

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ QUYỀN TÁC GIẢ VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN

(Kỳ 2)

TS Trần Lê Hồng

Phó Cục trưởng Cục Sở hữu Trí tuệ

Trong kỳ 1 đăng trên Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam số 3A/2022, tác giả đã phân tích một số chính sách của Việt Nam liên quan đến quyền tác giả (QTG) cũng như sự cần thiết phải sử dụng thống nhất và chính xác một số thuật ngữ chính liên quan đến quyền này. Trong kỳ 2, tác giả tập trung phân tích làm rõ một số vấn đề về đối tượng QTG, độc quyền của chủ sở hữu QTG và những hạn chế liên quan.

Tác phẩm - đối tượng QTG

Tác phẩm (TP) là đối tượng nằm ở trung tâm của hoạt động bảo hộ QTG. Xác định được chính xác về TP sẽ xác định được phạm vi bảo hộ. Luật Sở hữu trí tuệ (SHTT) giải thích TP là sản phẩm sáng tạo trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật và khoa học thể hiện bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào (Điều 4.7). Danh mục các loại hình TP được liệt kê tại Điều 14.1 rất đa dạng, tuy nhiên việc liệt kê này đã bao hàm tất cả các loại hình TP được bảo hộ chưa thì chưa có câu trả lời rõ ràng. Quan điểm của các nhà khoa học cho rằng, danh mục này chưa đầy đủ và có thể bao gồm cả những đối tượng khác nếu đáp ứng yêu cầu đối với TP theo quy định của Điều 4.7 Luật SHTT¹. Do đó, Luật SHTT cần đảm bảo việc bảo hộ QTG cho tất cả các tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học, nhất là các tác phẩm mới phát sinh trong hoạt

động sáng tạo khi đáp ứng đầy đủ điều kiện bảo hộ bằng cách bổ sung mục “n. Các TP khác đáp ứng điều kiện bảo hộ đối với TP” vào Điều 14.1 tương tự cách tiếp cận được thể hiện trong Điều 737 Bộ luật Dân sự (BLDS) năm 2005: “mọi sản phẩm sáng tạo trong các lĩnh vực văn học, nghệ thuật và khoa học” có thể được bảo hộ QTG.

Việc hiểu thống nhất về từng loại hình TP rất quan trọng nhằm xác định phạm vi bảo hộ. Trong số 12 mục liệt kê TP thì Luật SHTT mới quy định riêng 4 mục đối với các TP: sân khấu; điện ảnh; chương trình máy tính, sưu tập dữ liệu; và văn học, nghệ thuật dân gian. Nghị định số 22/2018/NĐ-CP² hướng dẫn cụ thể với phần lớn các loại hình TP được liệt kê tại Điều 14.1 nêu trên. Tuy nhiên, các quy định của Luật SHTT và Nghị định số 22/2018/NĐ-CP về cơ bản mới đưa ra khái niệm

thông thường về loại hình TP hoặc cách thức tạo ra TP mà chưa làm rõ các yếu tố cấu thành TP làm căn cứ pháp lý xác định những yếu tố nào của TP được bảo hộ và thống nhất việc chúng tạo nên phạm vi bảo hộ TP. Thực tế cho thấy, việc không xác định được phạm vi bảo hộ QTG có thể dẫn đến những tranh chấp phức tạp như vụ việc giữa Công ty Hàng gia dụng quốc tế và tập đoàn giải trí nổi tiếng của Hoa Kỳ là Marvel Entertainment Group và Marvel Characters, Inc. (“Marvel”) đối với nhãn hiệu “X-MEN”. Khi Công ty Hàng gia dụng quốc tế được cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 63481, “Marvel” đã khởi kiện đề nghị hủy bỏ đăng ký nhãn hiệu này vì trùng với tên nhân vật và các hình ảnh X-Men sử dụng trong các TP truyện tranh, phim truyện và với nhãn hiệu “X-MEN” được cho là “nổi tiếng” của Marvel. Cục Bản QTG ban hành Công văn số 454/BQTG-BQ ngày 1/11/2006 nêu rõ: “BLDS năm 1995 (cũ), BLDS 2005, Luật SHTT và các văn bản hướng dẫn thi hành không có quy định về việc bảo hộ tên nhân

¹Trần Lê Hồng (2007, tái bản năm 2015), *Giáo trình Luật Dân sự (Chương XII)*, NXB Tư pháp, tr.530-532.

²Nghị định số 22/2018/NĐ-CP ngày 23/2/2018 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật SHTT năm 2005 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật SHTT năm 2009 về QTG, quyền liên quan.

vật trong TP”. Nếu tên nhân vật không được bảo hộ, thì sẽ không có căn cứ cho việc Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN quy định việc dấu hiệu chữ bị coi là không có khả năng phân biệt nếu trùng, hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với tên gọi của các nhân vật, hình tượng trong các TP thuộc phạm vi bảo hộ QTG của người khác đã được biết đến một cách rộng rãi, trừ trường hợp được phép của chủ sở hữu TP đó³. Theo Thông tư này, hình tượng trong các TP cũng được bảo hộ QTG vì ảnh hưởng đến việc sử dụng của bên thứ ba. Ngược lại, như tinh thần Công văn số 454 nêu trên thì hình tượng nhân vật có vẻ cũng không được bảo hộ, tức việc sử dụng bởi bên thứ ba sẽ là “hợp pháp”, chủ sở hữu QTG không có độc quyền đối với yếu tố này. Vậy những yếu tố nào của TP được bảo hộ và căn cứ vào đâu để xác định những yếu tố được bảo hộ đó. Vấn đề sẽ càng trở nên phức tạp khi các yếu tố có thể thuộc phạm vi bảo hộ QTG có thể khác nhau ở những loại hình TP khác nhau. Nếu không có những quy định cụ thể về các yếu tố được bảo hộ trong TP thì cách tiếp cận của các cơ quan lập pháp, cơ quan hành pháp và cả cơ quan áp dụng pháp luật sẽ có thể khác nhau, hệ quả là việc hiểu về phạm vi bảo hộ TP và việc xử lý vấn đề liên quan có thể rất khác nhau khiến việc thực hiện QTG không khả thi trong thực tế. Chính vì vậy,

³Mục 39.3.1 Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ KH&CN hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật SHTT về sở hữu công nghiệp và được sửa đổi, bổ sung năm 2010, 2011, 2013 và 2016.

Luật SHTT hiện quy định về khái niệm loại hình TP được bảo hộ (TP văn học viết, sân khấu, điện ảnh, chương trình máy tính...) đã không chỉ tạo nên tình trạng “luật ống, luật khung” mà quan trọng hơn là không đảm bảo tính khả thi trong điều chỉnh phạm vi bảo hộ TP. Giải quyết vấn đề này nên theo hướng hướng dẫn cụ thể đối với từng loại hình TP và làm rõ các yếu tố cụ thể tạo nên phạm vi bảo hộ cho mỗi loại hình TP cụ thể đã được liệt kê tại Điều 14.1 nêu trên.

Độc quyền của chủ sở hữu QTG

Luật SHTT dành cho chủ sở hữu QTG các độc quyền là 6 quyền tài sản quy định tại Điều 20. Quy định về các độc quyền như vậy đã đảm bảo sự phù hợp với Công ước Berne về bảo hộ TP văn học, nghệ thuật mà Việt Nam đã tham gia từ năm 2004.

Công ước Berne được các nước thành viên đầu tiên ký kết năm 1886 và được sửa đổi, bổ sung lần cuối vào năm 1979 chưa thích ứng được và do đó chưa đáp ứng nhu cầu bảo hộ QTG trong môi trường số, nhất là môi trường internet. Đây là lý do chính cho sự ra đời của Hiệp ước Bản quyền của Tổ chức SHTT thế giới (WCT) năm 1996 và có hiệu lực từ năm 2002. Nội dung quan trọng nhất được WCT giải quyết là phát triển, mở rộng những độc quyền của chủ sở hữu QTG trong môi trường internet và được biết đến với thuật ngữ “quyền làm cho có sẵn” (Making available right - MAR). WCT yêu cầu các quốc gia thành viên công nhận và đảm bảo MAR. Quyền này mang lại cho các tác giả, chủ sở hữu độc quyền cho phép truyền tải các

TP của họ đến công chúng thông qua các nền tảng tương tác mà người sử dụng có thể lựa chọn địa điểm và thời điểm truy cập chúng, điển hình là cách chuyển đổi số TP và chuyển đến người sử dụng trên mạng internet.

Dự kiến, Việt Nam sẽ gia nhập WCT vào năm 2022 nên pháp luật SHTT cần sớm phù hợp với WCT về nội dung MAR, như vậy cũng sẽ đồng thời đảm bảo phù hợp với các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như CPTPP và EVFTA. Hiện tại, Luật SHTT chưa quy định trực tiếp nội dung MAR nhưng Nghị định số 22/2018/NĐ-CP đã thể hiện khá rõ nội dung MAR tại Điều 21. Theo đó, các độc quyền được gắn với nội dung MAR một cách tương ứng. Sao chép bao gồm cả việc tạo ra bản sao dưới hình thức điện tử. Biểu diễn TP trước công chúng bao gồm việc biểu diễn TP tại bất cứ nơi nào mà công chúng có thể tiếp cận được. Quyền phân phối bản gốc hoặc bản sao TP được thực hiện bằng bất kỳ hình thức, phương tiện kỹ thuật nào mà công chúng có thể tiếp cận được. Quyền truyền đạt TP đến công chúng là quyền của chủ sở hữu QTG độc quyền thực hiện hoặc cho phép người khác thực hiện việc đưa TP hoặc bản sao TP đến công chúng mà công chúng có thể tiếp cận được tại địa điểm và thời gian do chính họ lựa chọn. Tuy nhiên, các quy định này chỉ là “giải pháp tình thế” vì chỉ mang tính “hướng dẫn” thì hành các quy định của Luật SHTT. Việc tham gia WCT sẽ yêu cầu các nội dung này được quy định trực tiếp trong Luật SHTT. Để nội luật hóa các quy định của WCT một cách phù hợp cần có sự nghiên cứu

sâu, đánh giá trên nhiều phương diện, ví như cách thức Hoa Kỳ đã thực hiện. Khi có những ý kiến về việc pháp luật bản quyền chưa phù hợp với WCT, Cơ quan Bản quyền Hoa Kỳ đã triển khai nghiên cứu một cách bài bản và hoàn thành bản báo cáo về quyền làm cho có sẵn tại Hoa Kỳ. Báo cáo được hoàn thành, đệ trình lên Ủy ban Tư pháp và được công bố vào ngày 22/02/2016⁴. Trong báo cáo, cách thức nội luật hóa của các nước được tổng kết và chủ yếu chia thành 3 nhóm: i) Các nước sử dụng gần như nguyên văn ngôn ngữ của quy định trong WCT, nhóm này chiếm 49%; ii) Các nước sử dụng ngôn ngữ thay thế để quy định nội dung MAR, nhóm này chiếm 31%; iii) Các nước không áp dụng một cách rõ ràng bằng cách quy định về quyền hoặc các quyền khác nhau, trong đó có Hoa Kỳ, nhóm này chiếm 14%.

Việc xác định cách thức hoàn thiện Luật SHTT phần về QTG để đảm bảo phù hợp với WCT cần đánh giá cấu trúc quy định của WCT và Luật SHTT hiện hành. Các quy định chủ yếu của WCT được sắp xếp theo từng vấn đề khá rõ ràng: Điều 4: Chương trình máy tính; Điều 5: Cơ sở dữ liệu; Điều 6: Quyền phân phối; Điều 7: Quyền cho thuê; Điều 8: Quyền truyền đạt đến công chúng; Điều 10: Những hạn chế và ngoại lệ. Cấu trúc như vậy giống như cấu trúc hiện có của Luật SHTT: Điều 22. QTG đối với chương trình máy tính và sưu tập dữ liệu; Điều 20.1.d. Phân phối, nhập khẩu bản gốc hoặc bản sao TP; Điều

20.1.e. Cho thuê bản gốc hoặc bản sao TP điện ảnh, chương trình máy tính; Điều 20.1.d. Truyền đạt TP đến công chúng bằng phương tiện hữu tuyến, vô tuyến, mạng thông tin điện tử hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào khác; Điều 25 và 26 về các hạn chế và ngoại lệ. Như vậy, việc sửa đổi bổ sung các quy định của Luật SHTT có thể như phần lớn các nước sử dụng ngôn ngữ quy định của WCT. Cách thức sửa đổi, bổ sung các quy định về độc quyền (quyền tài sản) trong Luật SHTT như vậy sẽ đơn giản và dễ dàng đảm bảo sự phù hợp với WCT. Ví dụ như độc quyền phân phối, quy định hiện hành là “phân phối, nhập khẩu bản gốc hoặc bản sao TP” có thể được sửa đổi, bổ sung thành: “phân phối, nhập khẩu bản gốc hoặc bản sao TP để phân phối. Phân phối là việc làm cho TP có sẵn để cung cấp cho công chúng bản gốc và bản sao TP thông qua hình thức bán hoặc chuyển quyền sở hữu khác”. Quy định này sẽ phù hợp với Điều 6: Quyền phân phối của WCT.

Hạn chế độc quyền của chủ sở hữu QTG

Hạn chế độc quyền của chủ sở hữu QTG được quy định góp phần đảm bảo sự cân bằng lợi ích của tất cả các bên, bao gồm cả chủ sở hữu và công chúng. Quy định hiện hành hạn chế độc quyền tại Điều 25, 26 Luật SHTT về cơ bản là phù hợp với Công ước Berne khi khẳng định mọi hạn chế phải dựa trên nguyên tắc đảm bảo sự cân bằng lợi ích của các bên và trong thực tế được đánh giá dựa trên phép thử ba bước. Một số nội dung như trích dẫn và nhập khẩu song song qua thực tiễn đã áp dụng cho thấy cần được hiểu

và áp dụng thống nhất bằng việc hoàn thiện các quy định tương ứng.

Việc trích dẫn phức tạp do thực tiễn áp dụng chưa lâu, các vụ việc chưa nhiều khiến không ít lần xảy ra quan điểm, cách xử lý vấn đề trái ngược nhau như trường hợp giải quyết vụ án dân sự về xâm phạm QTG khi ông Đào Thái Tôn in 4 bài nghiên cứu của ông Nguyễn Quảng Tuân trong TP của mình là “Văn bản Truyện Kiều - Nghiên cứu và thảo luận”. Quan điểm trong Quyết định số 127/2007/DSPT ngày 14/6/2007 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội ngược lại với Quyết định sơ thẩm khi đánh giá hành vi in đầy đủ 4 bài nêu trên. Ở đây, bản chất là đánh giá việc in 4 bài nêu trên được xem là “trích dẫn TP” không để kết luận việc có hay không hành vi xâm phạm QTG⁵. Như vậy, ngoại lệ tại Khoản 1 Điều 25 có lẽ chưa đủ rõ ràng để hiểu và áp dụng thống nhất. Thật sự, quy định ngoại lệ về trích dẫn khá khó hiểu, nhất là khi đặt ba trường hợp ngoại lệ liên quan đến trích dẫn của Điều 25 bên cạnh nhau. Nếu mục b khoản 1 Điều 25 quy định về “trích dẫn hợp lý TP” trong khi mục c và d khoản 1 Điều 25 quy định về “trích dẫn TP” có thể khiến mọi người hiểu là trường hợp thứ nhất là được trích dẫn hợp lý “một phần TP” để bình luận hoặc minh họa, còn trường hợp thứ hai là được trích dẫn “trọn vẹn cả TP”. Theo mục c và d, khi không quy định về việc trích dẫn phải đảm bảo “hợp lý” thì “trích dẫn TP mà không làm

⁴https://www.copyright.gov/docs/making_available/making-available-right.pdf.

⁵<https://www.agllaw.com.vn/ve-van-de-trich-dan-tac-pham-cua-nguoi-khac>.

sai ý tác giả để viết báo, dùng trong ấn phẩm định kỳ, trong chương trình phát thanh, truyền hình, phim tài liệu” và “trích dẫn TP để giảng dạy trong nhà trường mà không làm sai ý tác giả, không nhằm mục đích thương mại” phải chăng không còn cần để ý đến dung lượng được trích dẫn, thậm chí trích dẫn có thể cả một TP theo ý muốn của người trích dẫn? Hơn nữa, mục a, khoản 1 Điều 25 quy định được phép “tự sao chép một bản nhằm mục đích nghiên cứu khoa học, giảng dạy của cá nhân” thì việc “trích dẫn TP để giảng dạy” có còn cần không vì chỉ là một phần của mục a là sao chép một bản - trường hợp ngoại lệ của độc quyền sao chép TP. Do đó, việc hoàn thiện quy định về trích dẫn được phép như trường hợp ngoại lệ đối với độc quyền của chủ sở hữu cần dựa trên nguyên tắc thực hiện sao chép TP một cách hợp lý, phù hợp với mục đích cần khẳng định hay làm rõ một nội dung nào đó mà người trích dẫn đang đề cập đến. Theo đó, về mặt nguyên tắc, trích dẫn chính là việc sao chép chỉ đối với một phần TP. Từ điển Tiếng Việt giải thích “trích dẫn” là “dẫn nguyên văn một câu hay một đoạn văn nào đó”. Việc trích dẫn trọn vẹn một TP không được phép, trừ trường hợp TP quá ngắn, chỉ tương đương với “một câu hay một đoạn”, mà việc minh họa không thể làm khác ngoài việc chép lại cả TP. Tóm lại, quy định về trích dẫn chỉ nên hiểu đối với trường hợp: “trích dẫn hợp lý một phần TP mà không làm sai ý tác giả để bình luận hoặc minh họa trong TP của mình”. Cách tiếp cận như vậy phù hợp với Công ước Berne: “được coi là hợp pháp

những trích dẫn rút từ một TP đã được phổ cập tới công chúng một cách hợp pháp, miễn là sự trích dẫn đó là phù hợp với những thông lệ chính đáng và trong mức độ phù hợp với mục đích” (Điều 10). Việc trích dẫn không phải là dẫn lại toàn bộ TP, mà chỉ là “rút từ TP”, tức một phần từ TP. Pháp luật các nước cũng quy định theo hướng này như Bộ luật SHTT của Phillipines: “Việc trích dẫn từ một TP đã công bố nếu chúng phù hợp với việc sử dụng hợp lý và chỉ ở mức độ phù hợp với mục đích trích dẫn, bao gồm trích dẫn từ các bài báo và tạp chí định kỳ dưới dạng tóm tắt báo chí: phải chỉ ra nguồn và tên tác giả, nếu được thể hiện trên TP, đang được đề cập đến”⁶. Trường hợp ngoại lệ hạn chế độc quyền của chủ sở hữu QTG khi cho phép sử dụng trọn vẹn TP cần được quy định riêng, tương tự như cách Luật SHTT đang quy định tại mục a và đ khoản 1 Điều 25: “Tự sao chép một bản nhằm mục đích nghiên cứu khoa học, giảng dạy của cá nhân” hay “Sao chép TP để lưu trữ trong thư viện với mục đích nghiên cứu”.

Nhập khẩu song song trong lĩnh vực QTG chưa được Luật SHTT điều chỉnh. Việc đưa bản gốc, bản sao TP ra thị trường nước ngoài một cách hợp pháp và sau đó có thể được nhập khẩu vào Việt Nam để bán và khai thác thương mại là một hoạt động kinh doanh bình thường, đáp ứng nhu cầu thực tiễn, cần được pháp luật điều chỉnh. Trong lĩnh vực quyền sở hữu công nghiệp, nhập khẩu song song đã được quy định tại

mục b khoản 2 Điều 125 Luật SHTT: “Lưu thông, nhập khẩu, khai thác công dụng của sản phẩm được đưa ra thị trường, kể cả thị trường nước ngoài một cách hợp pháp, trừ sản phẩm không phải do chính chủ sở hữu nhãn hiệu hoặc người được phép của chủ sở hữu nhãn hiệu đưa ra thị trường nước ngoài”. Ở đây nên nhận thấy, việc nhập khẩu song song hỗ trợ “cân bằng lợi ích” cho cộng đồng khi hạn chế một phần độc quyền nhập khẩu, phổ biến ở những nước kém và đang phát triển. Pháp luật quốc tế, kể cả các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như CPTPP và EVFTA, đều dành cho các quốc gia thành viên quyền quy định về chế độ hết quyền đối với quyền SHTT (hết quyền quốc gia hay khu vực hay quốc tế) khi đưa sản phẩm, dịch vụ ra thị trường, từ đó xác định việc nhập khẩu song song hợp pháp hay không. Trong bối cảnh cần thúc đẩy khai thác QTG phục vụ nhu cầu sản xuất, kinh doanh, nhất là những TP của nước ngoài, Luật SHTT nên quy định một cách thống nhất về chế độ hết quyền và nhập khẩu song song, kể cả trong lĩnh vực QTG tương tự như quy định của Điều 125. Cụ thể, một TP được đưa ra thị trường nước ngoài hợp pháp thì sẽ được phép nhập khẩu vào Việt Nam, kể cả vì mục đích thương mại ✍

⁶<https://www.officialgazette.gov.ph/1997/06/06/republic-act-no-8293/>.